TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42**/2022/DS-ST.
Ngày: 29 - 09 - 2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Chung Kim Sang**

2. Ông Trương Hoài Khanh

***Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Quốc Sang** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố G.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Bà Đồng Thanh Lam** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 05 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 08 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 09 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần L (Viết tắt là Ngân hàng TMCP L)**

Địa chỉ: Số 40-42-44 T, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thụy Thủy T1, chức vụ: Quyền Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh G. (Theo Giấy ủy quyền số 1395/UQ-NHKL ngày 29/6/2020 của tổng giám đốc Ngân hàng L)

Ủy quyền lại: **Ông Huỳnh Quang Minh V, sinh năm 1982**, chức danh: Phó phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh G. (Theo Giấy ủy quyền số 182/UQ-CNRG ngày 10/10/2020) (Có mặt).

*** Bị đơn: Bà Trương Thị Ngọc H, sinh năm 1989** (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 8/76B khu phố K, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Bà Nhan Thị Ánh D, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 77 đường L, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2020 và bản tự khai của Ngân hàng TMCP L; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Quang Minh Vũ trình bày:*

Ngày 17/01/2020, bà Trương Thị Ngọc H và bà Nhan Thị Ánh D có ký hợp đồng tín dụng, kiêm hợp đồng cầm cố số 979068 và số 979064 với Ngân hàng TMCP L để vay số tiền gốc 15.000.000 đồng, mục đích vay: mua bán nhỏ; thời hạn vay là 180 ngày; lãi suất cho vay 16%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Hình thức thanh toán: trả góp gốc + lãi theo định kỳ hàng ngày, mỗi ngày góp 89.895 đồng, ngày cuối cùng góp 92.295 đồng, bắt đầu góp vào ngày 18/01/2020.

Tài sản cầm cố để đảm bảo nợ vay: Xe mô tô máy biển kiểm soát 86M6-6978, nhãn hiệu SYM, loại Attilaeliz, màu vàng, số máy MVTBAD059648, số khung 12 GDAD059648 theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 011386 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 7/12/2010 cho bà Nhan Thị Ánh D đứng tên (Xe do bà Nhan Thị Ánh D quản lý sử dụng).

Sau khi vay vốn bà H và bà D góp đủ đến ngày 12/3/2020 với số tiền gốc 4.582.600 đồng, lãi trong hạn 917.400 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 5.500.000 đồng, sau đó bà H, bà D không góp tiếp mặc dù được Ngân hàng nhắc nhở và bà H, bà D cam kết nhiều lần.

Nay đại diện Ngân hàng TMCP L yêu cầu khởi kiện: yêu cầu bà H và bà D thanh toán số tiền vay còn nợ tiền gốc 10.415.000 đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 29/09/2022, tiền lãi trong hạn 822.000 đồng và tiền lãi quá hạn 5.519.665 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 16.756.665 đồng *(Mười sáu triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng)*.

Tại phiên tòa,

Đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật nếu bà H, bà D không trả số tiền còn nợ.

Đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP L yêu cầu bà H và bà D thanh toán số tiền vay còn nợ số tiền gốc 10.415.000 đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 29/09/2022, tiền lãi trong hạn 822.000 đồng và tiền lãi quá hạn 5.519.665 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 16.756.665 đồng *(Mười sáu triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng)* và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 30/09/2022 cho đến khi thanh toán xong hợp đồng.

***** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trương Thị Ngọc H và bà Nhan Thị Ánh D đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định nhưng bà H và bà D vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không có văn

bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện Viện Kiểm nhân dân thành phố G phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định.

Đối với đương sự, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên vi phạm quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP L, buộc bà Trương Thị Ngọc H và bà Nhan Thị Ánh D liên đới trả cho Ngân hàng TMCP L số tiền nợ gốc 10.415.000 đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 29/09/2022, tiền lãi trong hạn 822.000 đồng và tiền lãi quá hạn 5.519.665 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 16.756.665 đồng *(Mười sáu triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng)* và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 30/09/2022 cho đến khi thanh toán xong hợp đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật nếu bà H, bà D không trả số tiền còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trương Thị Ngọc H và bà Nhan Thị Ánh D không có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP L tại Tòa án. Mặc dù, Toà án đã làm đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự như: Giao thông báo thụ lý vụ án và tống đạt các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; Quyết định hoãn phiên toà hợp lệ, nhưng bà H và bà D cố tình tránh mặt. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Quang Minh Vũ yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn bà H và bà D theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bà H và bà D.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP L khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Ngọc H và bà Nhan Thị Ánh D thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vay gốc, lãi tạm tính đến ngày 29/09/2022 là 16.756.665 đồng *(Mười sáu triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng)* và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng từ ngày 30/09/2022 cho đến khi thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ và tại Công văn

số 55 ngày 21/09/2022 của Phòng Tài chính kế hoạch thành phố G xác định bà H, bà D không có đăng ký kinh doanh, hộ kinh doanh cá thể nên Tòa án xác định đây là án dân sự và quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn bà Trương Thị Ngọc H và bà Nhan Thị Ánh D có nơi cư trú cuối cùng tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về nội dung vụ án: Bà H có ký hợp đồng có ký hợp đồng tín dụng, kiêm hợp đồng cầm cố số 979068 và số 979064 ngày 17/01/2020 và bà D ký với tư cách là người liên đới vay Ngân hàng TMCP L số tiền gốc 15.000.000 đồng, mục đích vay: mua bán nhỏ; thời hạn vay là 180 ngày; lãi suất cho vay 16%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Hình thức thanh toán: trả góp gốc + lãi theo định kỳ hàng ngày, mỗi ngày góp 89.895 đồng, ngày cuối cùng góp 92.295 đồng, bắt đầu góp vào ngày 18/01/2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà H, bà D đã vi phạm kỳ hạn trả nợ gốc và lãi. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay ngày 29/09/2022 là 16.756.655 đồng *(Mười sáu triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng)*.

[4] Xét giao dịch dân sự giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP L với bị đơn bà H và bà D được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của các bên, không bị lừa dối hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội; do đó, Hội đồng xét xử nhận định giao dịch dân sự nêu trên là hợp pháp.

Xét thấy, các bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, bà H và bà D đã được nhận đủ tiền vay theo hợp đồng nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn bà H và bà D chỉ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 5.500.000 đồng (Gồm: Tiền gốc 4.582.600 đồng, tiền lãi trong hạn 917.400 đồng), theo đó, bị đơn bà H và bà D thanh toán khoản vay không đầy đủ nên đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn bà H và bà D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn bà H và bà D không có ý kiến trình bày tại Tòa án. Tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó", nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà H và bà D vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đại diện nguyên đơn cho thấy, việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP L với bị đơn bà H, bà D là hoàn toàn có thật và bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo thỏa thuận. Do đó, đối chiếu quy định tại các Điều 463, 465, 466

và 468 Bộ luật Dân sự 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, trong nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP L. Buộc bị đơn bà H và bà D liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP L tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/09/2022 là 16.756.665 đồng *(Mười sáu triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng)* (Trong đó: tiền lãi trong hạn 822.000 đồng và tiền lãi quá hạn 5.519.665 đồng) và tính lãi phát sinh từ ngày 30/09/2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

[5] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP L về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật nếu bà H, bà D không trả cho cho Ngân hàng TMCP L số tiền còn nợ.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả là: 16.756.655 đồng x 5% = 837.832 đồng *(Tám trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi hai đồng)*; hoàn trả cho Ngân hàng TMCP L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP L về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn bà Trương Thị Ngọc H và bà Nhan Thị Ánh D.

Buộc bà Trương Thị Ngọc H và bà Nhan Thị Ánh D có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP L tổng số tiền gốc và lãi là 16.756.665 đồng *(Mười sáu triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng)* (Trong đó: tiền lãi trong hạn 822.000 đồng và tiền lãi quá hạn 5.519.665 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Trương Thị Ngọc H và bà Nhan Thị Ánh D chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 837.832 đồng *(Tám trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi hai đồng)*.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001235 ngày 15/04/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Thùy Linh